

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 25-3-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 408/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1955; HKTT: khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương..

- Bị đơn: Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1992; HKTT: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1985; HKTT: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Võ Xuân Ph, sinh năm 1959; HKTT: khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương..

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn được triệu tập họp lần hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2020, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên bà T có cho bà Đ vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 08/5/2020 bà Đ và chồng là ông Trần Quốc T có vay của vợ chồng bà T và ông Võ Xuân Ph số tiền là 80.000.000 đồng. Khi vay vợ chồng bà Đ có giao một sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T. Vợ chồng bà Đ hẹn đến ngày 18/5/2020 sẽ hoàn trả cho ông Ph số tiền này. Nhưng đến ngày hẹn vợ chồng bà Đ không thanh toán số tiền trên nên ngày 31/8/2020 bà Đ có làm giấy nhận nợ cho bà T với số tiền là 96.000.000 đồng. Giấy nợ do chính bà Đ viết và ký tên. Mục đích để giải ngân ở ngân hàng cho mẹ bà Đ.

Lần 2: Ngày 10/7/2020 bà T có cho bà Đ vay 10.000.000 đồng; ngày 12/7/2020 cho vay 10.000.000 đồng; ngày 15/7/2020 cho vay 20.000.000 đồng; ngày 17/7/2020 cho vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà Đ vay 50.000.000 đồng. Ngày 25/7/2020 bà Đ chốt lại số tiền và viết giấy tay cho bà T. Mục đích bà Đ vay số tiền này là để lo cho chồng tại bệnh viện.

Lần 3: Ngày 29/7/2020 tôi cho bà Đ vay tiếp 15.000.000 đồng. Bà Đ có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Lần 4: Ngày 21/8/2020 tôi cho bà Đ vay tiếp 25.000.000 đồng. Bà Đ có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Lần 5: Bà Đ còn vay của tôi với số tiền là 53.000.000 đồng. Bà Đ có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Sau đó ngày 31/8/2020 bà Đ chốt lại cho bà T tổng số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng. Bà Đ có trả cho bà T được 80.000.000 đồng tiền vay mượn nhằm mục đích giải ngân ngân hàng cho mẹ. Tuy nhiên khi trả số tiền này thì sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T bà T vẫn còn giữ.

Hiện tại bà Đ còn nợ bà T số tiền là 160.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền còn nợ là 160.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bà T yêu cầu trả hết một lần.

Đối với sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T thì bà T đồng ý trả lại cho ông T, nhưng bà Đ phải thanh toán hết cho bà T số tiền 160.000.000 đồng.

Ngoài ra bà T không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai ngày 30/10/2020, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (bà Đ) trình bày:*

Bà Đ thống nhất với bà T là có vay tiền nhiều lần của bà T. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 08/5/2020 bà Đ có vay của vợ chồng bà T và ông Võ Xuân Ph số tiền là 80.000.000 đồng. Khi vay bà Đ có giao cho ông Ph một sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T (chồng của bà Đ). Theo giấy mượn tiền thì bà Đ hẹn đến ngày 18/5/2020 sẽ hoàn trả cho ông Ph số tiền này. Nhưng đến ngày hẹn bà Đ không thanh toán được số tiền trên nên ngày 31/8/2020 bà Đ có làm giấy nhận tiền viết cho bà T với số tiền là 96.000.000 đồng. Giấy nợ do chính bà Đ viết và ký tên. Tuy nhiên, sau đó bà Đ đã thanh toán cho vợ chồng bà T số tiền là 80.000.000 đồng và đã lấy lại bản chính giấy mượn tiền ngày 08/5/2020. Tuy nhiên khi trả số tiền này thì sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T bà Đ vẫn chưa lấy về.

Lần 2: Ngày 10/7/2020 bà Đ vay của bà T 10.000.000 đồng; ngày 12/7/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 15/7/2020 vay 20.000.000 đồng; ngày 17/7/2020 vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng tôi vay 50.000.000 đồng. Ngày 25/7/2020 bà Đ chốt lại số tiền và viết giấy tay cho bà T.

Lần 3: Ngày 29/7/2020 bà Đ vay tiếp 15.000.000 đồng và có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Lần 4: Ngày 21/8/2020 bà Đ vay tiếp 25.000.000 đồng và có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Lần 5: Ngoài ra bà Đ còn vay của bà T số tiền là 53.000.000 đồng và có làm giấy tay do chính bà Đ viết và ký tên.

Sau đó ngày 31/8/2020 bà Đ có chốt lại cho bà T tổng số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng và bà Đ đã trả được 80.000.000 đồng tiền vay mượn lần 1. Hiện tại bà Đ còn nợ bà T số tiền là 160.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu bà Đ trả số tiền 160.000.000 đồng thì bà Đ đồng ý, tuy nhiên bà Đ xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Ngoài ra bà Đ không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 06/11/2020, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:*

Ông T không biết việc bà Đ vay tiền của bà T. Bà Đ tự ý lấy sổ tiết kiệm giao cho bà T, ông T không biết. Nay bà T yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền 160.000.000 đồng thì ông T không đồng ý trả vì số tiền này tự bà Đ vay mượn ông không biết. Riêng sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T thì ông T yêu cầu bà T trả lại bản chính cho ông T.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2020, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ph trình bày:*

Vào ngày 08/5/2020 ông Ph có cho bà Đ vay số tiền là 80.000.000 đồng. Khi vay bà Đ có làm giấy mượn tiền do chính ông Ph ghi nội dung và bà Đ ký tên. Bà Đ có giao cho ông Ph giữ một sổ tiết kiệm số AB 00004927203 mang tên Trần Quốc Tuấn. Tuy nhiên hôm đó bà Đ có dẫn theo một người tự xưng là chồng của bà Đ là Trần Quốc Tuấn đến để vay tiền. Sau này ông mới biết không phải là ông T chồng bà Đ mà là anh ruột của bà Đ tên Cường. Sau đó, số tiền này đã được gia đình bà Đ thanh toán hết cho ông. Sau khi bà Đ trả tiền cho ông Ph và bà T thì bà Đ không lấy lại sổ tiết kiệm vì chồng bà Đ đã làm lại sổ tiết kiệm mới. Nên ông Ph đã giao sổ tiết kiệm cho bà T giữ.

Số tiền hiện nay bà Đ còn nợ bà T số tiền là 160.000.000 đồng là tiền riêng của bà T không liên quan gì đến ông Ph.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện bà Đ yêu cầu thanh toán số tiền là 160.000.000 tiền gốc theo các giấy mượn tiền ngày 24/8/2020; 29/7/2020; 25/7/2020; 03/8/2020; 31/8/2020 và 01 giấy mượn tiền không ghi ngày tháng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T, ông T, ông Ph có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bà Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Bà T có cho bà Đ vay tiền nhiều lần. Đến ngày 31/8/2020 bà T và bà Đ chốt tổng số tiền bà Đ còn nợ là 240.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ có trả cho bà T được 80.000.000 đồng. Hiện tại bà Đ còn nợ bà T số tiền là 160.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền còn nợ là 160.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà Đ thừa nhận các lần vay tiền, số tiền vay, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ tổng cộng là 160.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền này thì bà Đ đồng ý thanh toán, nhưng bà Đ yêu cầu được trả dần hàng tháng là 1.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà T cho bà Đ vay tổng cộng 240.000.000 đồng và bà Đ thừa nhận có vay số tiền này. Do đó quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là vay tài sản. Theo giấy mượn tiền ngày 31/8/2020 thì bà Đ trong vòng 15 ngày sẽ thanh toán hết số tiền nên thuộc hợp đồng vay có thời hạn.

[2.2] Xét thấy các giấy mượn tiền ngày 10/7/2020; ngày 29/7/2020; ngày 21/8/2020; ngày 31/8/2020 và giấy mượn tiền không ghi ngày tháng do nguyên đơn cung cấp là bản chính. Mặc khác, bà Đ thừa nhận có vay của bà T tổng số tiền là 240.000.000 đồng, đã trả được 80.000.000 đồng và các giấy nợ đề ngày 10/7/2020; ngày 29/7/2020; ngày 21/8/2020; ngày 31/8/2020 và giấy mượn tiền không ghi ngày tháng là do bà viết, ký tên. Do đó thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền 160.000.000 đồng và bà Đ đồng ý thanh toán nên ghi nhận.

[2.2] Về phương thức thanh toán: Theo giấy mượn tiền ngày 31/8/2020 (giấy chốt lại số tiền bà Đ đã vay) thì bà Đ hứa trong vòng 15 ngày sẽ hoàn trả số tiền cho bà T. Tuy nhiên bà Đ thanh toán chỉ có 80.000.000 đồng. Bà Đ còn nợ lại số tiền 160.000.000 đồng. Theo Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do đó, bà Đ phải có trách nhiệm trả đủ số tiền 160.000.000 đồng cho bà T. Việc bà Đ xin trả dần hàng tháng 1.500.000 đồng là không phù hợp nên không chấp nhận

[2.3] Về tiền lãi: Bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Đối với sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T thì bà T đồng ý trả lại cho ông T nên ghi nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà T.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 335, 336, 339, 342, 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của bà Lê Thị T đối với bà Nguyễn Anh Đào.

Buộc bà Nguyễn Anh Đào có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị T số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T về việc hoàn trả cho ông Trần Quốc T: 01 sổ tiết kiệm số AB 00004927203 của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Quốc T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Anh Đào phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

